

Bản án số: 56/2017/HSST

Ngày: 25-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Công Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hạnh

Ông Trần Văn Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa:
Bà Trần Minh Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2017/HSST ngày 02/8/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc T(X), sinh năm 1991; tại Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: Thôn Q, xã K, huyện C, tỉnh B; nghề nghiệp: thợ sửa máy photo; trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm: 1953; con bà Trần Thị Đ, sinh năm 1955; có vợ Lê Thị Thu T2, sinh năm 1990 và 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 15/4/2009, bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản”; Chấp hành xong hình phạt tù tháng 08/2010.

Bị cáo đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 05/6/2017, tại thôn Q, xã K, huyện C, tỉnh B. “Có mặt”.

- Người bị hại:

Ông Nguyễn Đức Tr, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn Q, xã K, huyện C, tỉnh B “Có mặt”.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị Thu T2, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ 02, thôn V, xã C1, huyện C, tỉnh B “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 05/4/2017, khi thấy cả nhà của mình đi làm rầy phía sau nhà tại thôn Q, xã K, huyện C, tỉnh B, chỉ còn Nguyễn Ngọc T ở nhà một mình nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T thấy cửa phòng ngủ của ông Nguyễn Đức Tr (sinh năm 1986 - là anh ruột của T) chỉ khép lại mà không khóa nên T đẩy cửa đi vào bên trong tìm kiếm tài sản. T đi đến tủ nhựa đựng quần áo màu trắng – xanh (cao 1,2 mét; rộng 0,5 mét), T dùng tay phải kéo mạnh ngăn tủ trên cùng làm bung chốt khóa. T tìm thấy một hộp nhựa bên trong có 01 sợi dây chuyền màu vàng kiểu đúc hoa mai (vàng 24K – dài 46cm, trọng lượng 06 chỉ 04 phân 04 ly) và 01 đôi bông tai. T lấy đôi bông tai cất lại vào tủ quần áo rồi cầm sợi dây chuyền bỏ trốn khỏi địa phương. Đến 14 giờ 30 phút cùng ngày, ông Tr đi làm về kiểm tra phát hiện mất sợi dây chuyền nên đã trình báo đến Công an xã K. Ngày 09/4/2017, T nhờ bà Lê Thị Thu T2 (sinh năm 1990; trú tại thôn V, xã C1, huyện C, tỉnh B – là vợ của T) đem trả lại sợi dây chuyền trên cho ông Tr. Ngày 31/5/2017, T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Châu Đức đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Biên bản định giá và kết luận giá trị tài sản trộm cắp số 62/HĐĐG ngày 13/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Đức kết luận: 01 sợi dây chuyền kiểu đúc hoa mai, trang sức bằng kim loại màu vàng (vàng 24k), có hiện vật, trọng lượng 6,44chỉ/01 sợi có tổng giá trị là 22.496.000đ (BL 13, 18).

Về vật chứng vụ án: 01 sợi dây chuyền vàng kiểu đúc hoa mai, trang sức bằng kim loại màu vàng (vàng 24k- dài 46cm, trọng lượng 06 chỉ 04 phân 04 ly) là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Đức Tr. Ngày 05/6/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Châu Đức đã trả lại cho ông Tr (BL 08, 09).

Về trách nhiệm dân sự:

Ông Nguyễn Đức Tr đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự, có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cam kết không thắc mắc, khiếu nại về sau.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Nguyễn Ngọc T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản Cáo trạng số 54/QĐ-KSĐT ngày 31/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố Nguyễn Ngọc T về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố nhà nước giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 45; khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T mức án từ 10 tháng đến 15 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Về trách nhiệm dân sự giữa bị cáo với người bị hại Nguyễn Đức Tr đã giải quyết xong nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc T thừa nhận: Vào khoảng 14 giờ ngày 05/4/2017, bị cáo đã lén lút trộm cắp được 01 sợi dây chuyền vàng (vàng 24k - dài 46 cm, trọng lượng 06 chỉ 04 phân 04 ly) trị giá 22.496.000 đồng của ông Nguyễn Đức Tr.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với Biên bản định giá và kết luận giá trị tài sản trộm cắp số 62/HĐĐG ngày 13/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Đức; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thấy quan điểm luận tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức kết luận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa, giữ nguyên Cáo trạng số 54/QĐ-VKS ngày 31/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức là có căn cứ, nên chấp nhận.

[3] Bị cáo Nguyễn Ngọc T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Đối chiếu với Điều luật tương ứng do Bộ luật Hình sự qui định, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở pháp lý để cho rằng hành vi của Nguyễn Ngọc T đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được qui định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

[4] Bị cáo Nguyễn Ngọc T là công dân đã trưởng thành nhưng không chịu rèn luyện, tu dưỡng bản thân để trở thành người công dân có ích cho xã hội. Bị cáo có đủ khả năng nhận thức và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình. Nhưng chỉ vì tham lam tư lợi nên bị cáo đã dấn thân vào con đường phạm tội. Hành vi trộm cắp tài sản của người bị hại được bị cáo thực hiện một cách cố ý trực tiếp với động cơ, mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác đem bán lấy tiền tiêu xài cho bản thân là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người bị hại, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải có một bản án thật nghiêm đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Đây là bài học giáo dục riêng đối với các bị cáo đồng thời mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 45 Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự để quyết định cho bị cáo một mức hình phạt phù hợp.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T, trước đây bị cáo đã 01 lần bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản, mặc dù đã được xóa án tích nhưng nay lại tiếp tục phạm tội. Theo như lời trình bày của người bị hại có trong hồ sơ vụ án thì bị cáo đã nhiều lần lấy trộm tài sản của người bị hại nhưng vì là anh em ruột với nhau nên người bị hại không tố cáo nên không áp dụng tình tiết ă năn hối cải cho bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, sau khi phạm tội bị phát hiện thì bị cáo đã ra đầu thú, tài sản mà bị cáo trộm được đã được bị cáo khắc phục trả lại cho người bị hại và người bị hại là anh ruột của bị cáo có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 nên cần áp dụng khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

Lời luận tội và mức án đề xuất của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, có căn cứ pháp luật và phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Nguyễn Đức Tr đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu T2 không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 sợi dây chuyền vàng (vàng 24k - dài 46 cm, trọng lượng 06 chỉ 04 phân 04 ly) là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Đức Tr. Ngày 05/6/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Châu Đức đã trả lại cho ông Tr là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Ngọc T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt để chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/8/2017), bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Thu T2 vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Sở tư pháp tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh BRVT;
- VKS huyện Châu Đức;
- Chi cục THA dân sự H.ChâuĐức;
- Công an huyện Châu Đức;
- Bị cáo, người bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Công Hiếu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự).

